SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO PHÚ THỌ
HỘI ĐỒNG CHẤM THI TUYỂN SINH
LỚP 10 THPT NĂM HỌC 2019-2020

BẢNG GHI ĐIỂM THI

Hội đồng thi: THPT Trung Nghĩa

Stt	Phòng thi	Số báo danh	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	HK	HL	Điểm TBmcn Toán+ Ngữ văn 9	ĐTBcn 9	Điểm UT	Điểm thi			Ghi chú
													Ngữ văn	Tiếng Anh	Toán	
1	001	**320001**	CHU THIÊN AN	Nam	20/11/2004	Trạm y tế xã Hoàng Xá	Kinh	Tốt	TB	10,9	6,2	0,00	5,00	3,25	3,75	
2	001	**320002**	BÙI NGỌC ANH	Nữ	22/10/2004	Tinh Nhuệ, Thanh Sơn, Phú Thọ	Mường	Tốt	Khá	14,1	7,6	0,50	5,25	3,50	3,00	DT;
3	001	**320003**	BÙI THỊ ANH	Nữ	28/04/2004	Bệnh viện Thanh Thủy, Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	13,0	7,4	0,00	6,50	4,50	2,00	
4	001	**320004**	ĐINH NGỌC ANH	Nữ	26/11/2004	Phượng Mao, Thanh Thủy, Phú Thọ	Mường	Tốt	Giỏi	15,9	8,2	0,50	6,00	8,75	5,25	DT;
5	001	**320005**	ĐINH THỊ LAN ANH	Nữ	15/05/2004	Xã Trung Thịnh, Thanh Thủy, Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	12,4	7,0	0,00	6,25	2,50	2,50	
6	001	**320006**	ĐỒNG THẾ TUẤN ANH	Nam	24/11/2004	Trạm y tế xã Lương Nha	Mường	Tốt	TB	10,3	5,7	0,50	4,00	0,25	1,25	DT;
7	001	**320007**	HOÀNG THỊ NGỌC ANH	Nữ	09/04/2004	Trạm y tế xã Hoàng Xá	Kinh	Tốt	Khá	13,1	7,4	0,00	5,50	1,75	4,00	
8	001	**320008**	NGUYỄN ĐẮC ANH	Nam	20/01/2004	Trạm y tế xã Trung Nghĩa	Kinh	Tốt	Khá	12,9	7,3	0,00	6,50	2,25	5,00	
9	001	**320009**	NGUYỄN LAN ANH	Nữ	25/05/2004	Trung tâm y tế huyện Thanh Thủy	Kinh	Tốt	TB	10,8	6,2	0,00	5,50	2,50	1,75	
10	001	**320010**	NGUYỄN LÊ TUẤN ANH	Nam	19/12/2004	Sơn Thủy, Thanh Thủy, Phú Thọ	Kinh	Tốt	TB	10,4	5,7	0,00	5,00	1,25	2,25	
11	001	**320011**	NGUYỄN NGỌC ANH	Nam	12/08/2004	Trạm y tế xã Đoan Hạ	Kinh	Tốt	TB	11,3	6,8	0,00	3,25	4,50	3,75	
12	001	**320012**	NGUYỄN THỊ ANH	Nữ	21/03/2004	Trạm y tế xã Lương Nha	Mường	Tốt	Khá	12,8	6,6	0,50	5,25	3,75	1,75	DT;
13	001	**320013**	NGUYỄN THỊ LAN ANH	Nữ	14/02/2004	Trạm y tế xã Trung Nghĩa	Kinh	Tốt	TB	12,2	6,8	0,00	6,25	1,75	2,75	
14	001	**320014**	NGUYỄN THỊ LAN ANH	Nữ	29/02/2004	Xã Thắng Sơn, Thanh Sơn, Phú Thọ	Kinh	Khá	Khá	13,6	6,6	0,00	5,75	3,25	3,50	
15	001	**320015**	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG ANH	Nữ	09/12/2004	Trạm y tế xã Trung Thịnh	Kinh	Tốt	TB	12,1	7,1	0,00	7,00	2,75	2,50	
16	001	**320016**	NGUYỄN THỊ VÂN ANH	Nữ	14/11/2004	Hoàng Xá, Thanh Thủy, Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	14,6	7,5	0,00	4,75	3,25	5,25	
17	001	**320017**	NGUYỄN TUẤN ANH	Nam	04/02/2004	Bệnh viện Thanh Thủy, Phú Thọ	Kinh	Khá	TB	10,2	6,4	0,00	5,25	2,25	3,25	
18	001	**320018**	NGUYỄN VÂN ANH	Nữ	01/02/2004	Bệnh viện Thanh Thủy, Phú Thọ	Kinh	Tốt	TB	11,0	6,8	0,00	3,00	2,50	3,00	
19	001	**320019**	TRẦN TUẤN ANH	Nam	28/05/2004	Trạm y tế xã Trung Nghĩa	Kinh	Tốt	TB	10,7	5,5	0,00	5,00	1,50	2,50	
20	001	**320020**	ĐINH MINH ÁNH	Nữ	18/08/2004	Lương Nha, Thanh Sơn, Phú Thọ	Mường	Tốt	Khá	12,8	6,6	0,50	6,25	3,25	2,00	DT;
21	001	**320021**	ĐOÀN NGỌC ÁNH	Nam	31/08/2004	Trạm y tế xã Yến Mao	Kinh	Tốt	Khá	12,3	6,6	0,00	4,00	3,00	4,75	
22	001	**320022**	NGUYỄN ĐẮC ÁNH	Nam	20/01/2004	Trạm y tế xã Trung Nghĩa	Kinh	Tốt	Khá	12,8	6,9	0,00	6,25	2,25	3,50	
23	001	**320023**	NGUYỄN MỸ PHƯƠNG ÁNH	Nữ	06/03/2004	Hoàng Xá, Thanh Thủy, Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	12,9	7,4	0,00	5,75	3,75	4,00	
24	001	**320024**	NGUYỄN NGỌC ÁNH	Nữ	08/02/2004	Trạm y tế xã Hoàng Xá	Kinh	Tốt	TB	11,6	6,0	0,00	5,25	2,25	4,50	
25	002	**320025**	NGUYỄN THỊ NGỌC ÁNH	Nữ	22/08/2004	Hoàng Xá, Thanh Thủy, Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	12,6	6,9	0,00	4,75	2,50	3,50	
26	002	**320026**	PHẠM THỊ NGỌC ÁNH	Nữ	26/03/2004	Trạm y tế xã Lương Nha	Mường	Khá	TB	10,4	5,6	0,50	1,50	2,50	1,75	DT;
27	002	**320027**	VÕ TRỌNG BẰNG	Nam	24/05/2004	Bệnh viện Thanh Thủy, Phú Thọ	Kinh	Khá	TB	9,6	5,7	0,00	2,75	1,75	2,50	
28	002	**320028**	ĐINH PHƯƠNG BÌNH	Nam	14/12/2004	Trạm y tế xã Yến Mao	Mường	Tốt	Khá	12,5	6,6	0,50	2,25	2,25	4,00	DT;
29	002	**320029**	PHAN CÔNG BÌNH	Nam	01/12/2004	Tu Vũ, Thanh Thủy, Phú Thọ	Mường	Tốt	Khá	13,3	7,5	0,50	5,00	4,00	7,50	DT;
30	002	**320030**	TRẦN ĐỨC BÌNH	Nam	27/07/2004	Trạm y tế xã Trung Nghĩa	Kinh	Tốt	Khá	13,1	7,0	0,00	4,50	3,00	4,00	
31	002	**320031**	QUYẾT ĐỨC CAO	Nam	17/02/2004	Trạm y tế xã Trung Thịnh	Kinh	Khá	TB	9,8	5,5	0,00	3,00	0,75	2,75	
32	002	**320032**	DƯƠNG THỊ THU CHANG	Nữ	01/01/2004	Tu Vũ,Thanh Thủy, Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	13,1	7,4	0,00	5,75	2,50	4,50	
33	002	**320033**	ĐỖ MINH CHI	Nữ	23/09/2004	Trạm y tế xã Đồng Luận	Kinh	Tốt	TB	11,4	6,6	0,00	4,50	3,75	2,00	

Stt	Phòng thi	Số báo danh	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	HK	HL	Điểm TBmcn Toán+ Ngữ văn 9	ĐTBcn 9	Điểm ƯT	Điểm thi			Ghi chú
													Ngữ văn	Tiếng Anh	Toán	
34	002	**320034**	HOÀNG YẾN CHI	Nữ	04/10/2004	Trạm y tế xã Sơn Thủy	Kinh	Tốt	Khá	12,5	6,6	0,00	4,25	4,00	4,00	
35	002	**320035**	PHAN KIM CHI	Nữ	12/08/2004	Tu Vũ,Thanh Thủy, Phú Thọ	Mường	Tốt	Giỏi	16,0	8,4	0,50	7,50	7,75	6,25	DT;
36	002	**320036**	ĐỒNG MẠNH CHIẾN	Nam	31/08/2004	xã Đồng Luận, Thanh Thủy, Phú Thọ	Kinh	Tốt	TB	11,1	6,4	0,00	2,00	2,00	3,25	
37	002	**320037**	KHUẤT MINH CHIẾN	Nam	30/06/2004	Trạm y tế xã Trung Nghĩa	Kinh	Khá	TB	10,6	6,0	0,00	3,00	2,75	2,25	
38	002	**320038**	LÊ XUÂN CHIẾN	Nữ	12/02/2004	Lương Nha, Thanh Sơn, Phú Thọ	Mường	Tốt	Khá	11,6	6,5	0,50	3,50	2,25	4,00	DT;
39	002	**320039**	NGUYỄN XUÂN CHINH	Nam	06/02/2004	Xã Lương Nha, Thanh Sơn, Phú Thọ	Mường	Tốt	TB	10,6	5,8	0,50	2,50	1,75	1,25	DT;
40	002	**320040**	ĐẶNG QUỐC CHUNG	Nam	16/05/2004	Xã Lương Nha, Thanh Sơn, Phú Thọ	Mường	Tốt	Khá	14,3	7,1	0,50	4,25	3,00	3,25	DT;
41	002	**320041**	BÙI ĐỨC CƯỜNG	Nam	11/09/2003	Trạm y tế xã Đồng Luận	Kinh	Khá	TB	10,3	5,8	0,00	5,25	2,25	3,50	
42	002	**320042**	BÙI QUỐC CƯỜNG	Nam	09/01/2003	xã Thắng Sơn, Thanh Sơn, Phú Thọ	Mường	Khá	TB	11,7	6,5	0,50	2,25	1,50	1,25	DT;
43	002	**320043**	NGUYỄN TRUNG CƯỜNG	Nam	25/04/2004	Xã Lương Nha, Thanh Sơn, Phú Thọ	Mường	Tốt	Khá	15,7	7,6	0,50	4,50	3,25	5,25	DT;
44	002	**320044**	PHAN SỸ CƯỜNG	Nam	03/07/2004	Xã Lương Nha, Thanh Sơn, Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	13,2	6,5	0,00	3,00	3,50	2,50	
45	002	**320045**	TRẦN QUỐC CƯỜNG	Nam	19/06/2004	Bình Long, Bình Phước	Kinh	Tốt	Khá	14,9	7,5	0,00	3,75	5,75	4,50	
46	002	**320046**	NGUYỄN ĐÌNH DOANH	Nam	13/10/2004	Trạm y tế xã Đoan Hạ	Kinh	Tốt	TB	10,6	6,0	0,00	4,25	3,00	1,50	
47	002	**320047**	QUẢN TRỌNG DOANH	Nam	21/05/2004	Xã Tu Vũ, Thanh Thủy, Phú Thọ	Kinh	Tốt	TB	9,8	5,8	0,00	4,00	3,25	3,75	
48	002	**320048**	BÙI THỊ MỸ DUNG	Nữ	08/07/2004	Xã Trung Thịnh, Thanh Thủy, Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	13,7	7,5	0,00	6,00	3,50	4,00	
49	003	**320049**	TRẦN THỊ THU DUNG	Nữ	12/05/2004	Trạm y tế xã Trung Thịnh	Kinh	Tốt	Giỏi	14,8	8,1	0,00	6,25	4,00	6,00	
50	003	**320050**	NGUYỄN QUANG DUY	Nam	16/04/2004	Hoàng Xá, Thanh Thủy, Phú Thọ	Kinh	Tốt	Giỏi	15,2	8,1	0,50	5,25	5,25	6,25	CDT;
51	003	**320051**	QUYẾT THÙY MỸ DUYÊN	Nữ	19/02/2004	Bệnh viện Thanh Thủy, Phú Thọ	Kinh	Tốt	Giỏi	16,4	8,3	0,00	5,00	7,25	7,25	
52	003	**320052**	TRẦN THỊ MỸ DUYÊN	Nữ	11/02/2004	Trạm y tế xã Đồng Luận	Kinh	Tốt	Khá	13,5	7,5	0,00	6,00	3,75	5,50	
53	003	**320053**	TRẦN THỊ MỸ DUYÊN	Nữ	25/08/2004	Bệnh viện huyện Thanh Thủy	Kinh	Tốt	Khá	12,8	7,3	0,00	4,75	3,25	5,75	
54	003	**320054**	NGUYỄN TẤN DŨNG	Nam	16/04/2004	Bệnh viện huyện Thanh Thủy	Kinh	Khá	TB	9,8	5,6	0,00	4,00	2,00	1,75	
55	003	**320055**	NGUYỄN TIẾN DŨNG	Nam	01/11/2004	Tinh Nhuệ, Thanh Sơn, Phú Thọ	Kinh	Khá	TB	10,2	6,2	0,00	4,50	3,50	4,75	
56	003	**320056**	VŨ VĂN DŨNG	Nam	18/09/2004	Trạm y tế xã Sơn Thủy	Kinh	Tốt	TB	11,0	6,1	0,00	4,25	3,00	2,25	
57	003	**320057**	ĐẶNG THÙY DƯƠNG	Nữ	10/02/2004	Xã Lương Nha, Thanh Sơn, Phú Thọ	Mường	Tốt	Giỏi	16,2	8,1	0,50	5,75	5,50	4,75	DT;
58	003	**320058**	NGUYỄN ÁNH DƯƠNG	Nữ	08/04/2004	Trạm y tế xã Đoan Hạ	Kinh	Tốt	Khá	12,2	6,5	0,00	4,50	2,25	2,50	
59	003	**320059**	NGUYỄN CHU DƯƠNG	Nam	26/11/2004	Trạm y tế xã Trung Thịnh	Kinh	Tốt	TB	10,5	6,2	0,00	5,00	3,00	1,75	
60	003	**320060**	NGUYỄN SĨ CAO ĐẠI	Nam	15/03/2004	Bệnh viện tỉnh Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	14,2	7,2	0,00	4,50	3,75	6,50	
61	003	**320061**	NGUYỄN THÀNH ĐẠT	Nam	20/12/2004	Trạm y tế xã Yến Mao	Mường	Khá	TB	10,2	5,9	0,50	4,00	1,75	2,25	DT;
62	003	**320062**	TRẦN PHƯƠNG ĐẠT	Nam	15/05/2004	Trạm y tế xã Trung Nghĩa	Kinh	Tốt	Khá	12,5	6,8	0,00	4,25	3,75	3,75	
63	003	**320063**	NGUYỄN HẢI ĐĂNG	Nam	02/07/2004	Trạm y tế xã Trung Nghĩa	Kinh	Tốt	TB	11,4	6,3	0,00	5,00	2,50	4,75	
64	003	**320064**	BÙI MINH ĐỨC	Nam	01/10/2004	Trạm y tế xã Lương Nha	Kinh	Khá	Khá	12,4	6,7	0,00	4,50	5,50	2,50	
65	003	**320065**	KHUẤT HỒNG ĐỨC	Nam	16/12/2004	Xã Tu Vũ, Thanh Thủy, Phú Thọ	Kinh	Tốt	TB	11,2	6,1	0,00	4,50	2,00	3,75	
66	003	**320066**	LÊ ANH ĐỨC	Nam	18/03/2004	Trạm y tế xã Đồng Luận	Kinh	Tốt	TB	12,1	7,3	0,00	5,00	3,25	4,50	
67	003	**320067**	NGUYỄN TRUNG ĐỨC	Nam	01/02/2004	Trạm y tế xã Hoàng Xá	Kinh	Tốt	TB	10,7	5,9	0,00	3,50	2,25	4,25	
68	003	**320068**	QUYẾT ĐỨC ĐỨC	Nam	03/12/2004	xã Trung Thịnh, Thanh Thủy, Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	13,2	7,3	0,00	4,50	4,00	7,00	
69	003	**320069**	NGUYỄN THỊ HƯƠNG GIANG	Nữ	14/01/2004	Trạm y tế xã Hoàng Xá	Kinh	Tốt	Khá	13,7	7,1	0,00	6,00	3,75	3,25	
70	003	**320070**	NGUYỄN TRẦN CHÂU GIANG	Nữ	19/01/2004	Trạm y tế xã Sơn Thủy	Kinh	Tốt	Khá	12,9	7,1	0,00	4,25	3,00	5,25	
71	003	**320071**	NGUYỄN TRƯỜNG GIANG	Nam	09/12/2003	Trạm y tế xã Sơn Thủy	Kinh	Khá	TB	10,3	5,8	0,00	3,75	1,50	3,25	
72	003	**320072**	NGUYỄN TRƯỜNG GIANG	Nam	25/03/2004	Trạm y tế xã Trung Nghĩa	Kinh	Tốt	Giỏi	15,9	8,0	0,00	5,50	4,75	7,50	

Stt	Phòng thi	Số báo danh	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	HK	HL	Điểm TBmcn Toán+ Ngữ văn 9	ĐTBcn 9	Điểm UT	Điểm thi			Ghi chú
													Ngữ văn	Tiếng Anh	Toán	
73	004	**320073**	NGUYỄN TRƯỜNG GIANG	Nam	07/06/2004	Trạm y tế xã Yến Mao	Kinh	Tốt	Khá	14,2	7,2	0,00	4,50	5,75	7,75	
74	004	**320074**	PHẠM THỊ HƯƠNG GIANG	Nữ	26/07/2004	Trạm y tế xã Hoàng Xá	Kinh	Tốt	TB	12,8	6,4	0,00	5,00	3,25	3,75	
75	004	**320075**	PHẠM THỊ HƯƠNG GIANG	Nữ	01/08/2004	Trạm y tế xã Đoan Hạ	Kinh	Tốt	TB	11,0	6,5	0,00	5,00	1,75	1,75	
76	004	**320076**	TẠ THỊ HƯƠNG GIANG	Nữ	25/08/2004	Trạm y tế xã Yến Mao	Mường	Tốt	TB	12,1	7,1	0,50	4,50	4,50	2,00	DT;
77	004	**320077**	TRỊNH HƯƠNG GIANG	Nữ	01/06/2004	Bệnh viện Thanh Thủy, Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	13,0	7,3	0,00	6,25	3,75	2,25	
78	004	**320078**	TRẦN CÔNG GIÁP	Nam	17/12/2004	Trung tâm y tế huyện Ba Vì	Kinh	Tốt	TB	11,9	6,2	0,00	3,25	3,00	2,50	
79	004	**320079**	KIỀU THỊ THU HÀ	Nữ	16/08/2004	Trạm y tế xã Đoan Hạ	Kinh	Khá	TB	11,5	6,5	0,00	3,50	3,00	2,50	
80	004	**320080**	LÊ NGỌC HÀ	Nam	10/01/2004	Trạm y tế xã Đồng Luận	Kinh	Tốt	TB	11,6	6,7	0,00	4,25	2,00	5,00	
81	004	**320081**	NGUYỄN THỊ HÀ	Nữ	12/01/2004	Tu Vũ, Thanh Thủy, Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	13,7	7,4	0,00	6,50	4,25	6,25	
82	004	**320082**	NGUYỄN THỊ HÀ	Nữ	29/06/2004	Trạm y tế xã Sơn Thủy	Kinh	Khá	TB	10,7	6,6	0,00	3,50	1,75	0,75	
83	004	**320083**	NGUYỄN THỊ THÚY HÀ	Nữ	13/09/2004	Trạm y tế xã Trung Nghĩa	Kinh	Tốt	TB	11,5	6,3	0,00	6,00	1,50	4,50	
84	004	**320084**	NGUYỄN THU HÀ	Nữ	01/04/2004	Trung tâm y tế huyện Thanh Thủy	Kinh	Tốt	TB	11,4	6,9	0,00	4,25	2,50	5,00	
85	004	**320085**	BÙI ĐẠI HẢI	Nam	07/11/2004	Hoàng Xá, Thanh Thủy, Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	12,7	6,9	0,00	4,25	2,75	3,00	
86	004	**320086**	LÊ VĂN HẢI	Nam	03/12/2004	Trạm y tế xã Hoàng Xá	Kinh	Khá	TB	12,5	6,2	0,00	3,00	3,50	4,25	
87	004	**320087**	NGUYỄN ĐỨC HẢI	Nam	18/01/2004	Trạm y tế xã Sơn Thủy	Kinh	Tốt	TB	12,0	6,4	0,00	5,75	2,00	5,25	
88	004	**320088**	NGUYỄN THỊ THANH HẢI	Nữ	23/10/2004	Trạm y tế xã Đồng Luận	Kinh	Tốt	Khá	13,4	7,4	0,00	5,25	3,25	5,00	
89	004	**320089**	NGUYỄN VĂN HẢI	Nam	16/07/2004	Trạm y tế xã Trung Nghĩa	Kinh	Khá	TB	10,7	6,1	0,00	5,00	2,75	2,75	
90	004	**320090**	BÙI THỊ THU HẢO	Nữ	12/02/2004	Xã Lương Nha, Thanh Sơn, Phú Thọ	Mường	Tốt	Khá	13,1	6,7	0,50	3,25	3,00	2,25	DT;
91	004	**320091**	NGUYỄN THỊ HẢO	Nữ	18/10/2004	Trung tâm y tế huyện Thanh Thủy	Kinh	Tốt	TB	9,6	6,0	0,00	4,00	2,00	1,50	
92	004	**320092**	ĐOÀN THỊ HỒNG HẠNH	Nữ	07/10/2004	Trạm y tế xã Đồng Luận	Kinh	Tốt	TB	11,2	6,7	0,00	4,50	3,75	2,50	
93	004	**320093**	NGUYỄN THỊ HẠNH	Nữ	20/07/2004	Trạm y tế xã Yến Mao	Kinh	Tốt	Khá	12,7	6,8	0,00	5,25	3,25	2,50	
94	004	**320094**	PHẠM THỊ THÚY HẠNH	Nữ	21/09/2004	Bệnh viện Thanh Thủy, Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	12,7	7,6	0,00	5,75	2,50	3,50	
95	004	**320095**	VŨ THỊ HẠNH	Nữ	13/08/2004	Bệnh viện huyện Thanh Thủy	Kinh	Tốt	TB	9,1	5,8	0,00	4,25	2,50	1,25	
96	004	**320096**	ĐỖ THỊ HẰNG	Nữ	09/06/2004	Tất Thắng, Thanh Sơn, Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	12,6	6,8	0,00	5,25	2,50	1,25	
97	005	**320097**	NGUYỄN THỊ HẰNG	Nữ	09/05/2004	xã Hoàng Xá, Thanh Thủy, Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	14,3	7,6	0,00	6,00	4,25	4,50	
98	005	**320098**	QUYẾT THỊ HẰNG	Nữ	12/12/2004	Trạm y tế xã Trung Thịnh	Kinh	Tốt	Khá	12,4	6,9	0,00	6,25	3,00	3,50	
99	005	**320099**	TRẦN THỊ THANH HẰNG	Nữ	27/01/2004	Trạm y tế xã Đoan Hạ	Kinh	Khá	TB	11,5	6,6	0,00	3,50	2,50	3,25	
100	005	**320100**	TRẦN THU HẰNG	Nữ	21/05/2004	Trạm y tế xã Yến Mao	Kinh	Tốt	Khá	14,3	7,6	0,00	6,75	4,75	3,75	
101	005	**320101**	LÊ THỊ HẬU	Nữ	05/02/2004	Trạm y tế xã Yến Mao	Kinh	Tốt	Khá	13,0	7,2	0,00	6,75	7,00	5,50	
102	005	**320102**	NGUYỄN TRUNG HẬU	Nam	14/03/2004	Trạm y tế xã Hoàng Xá	Kinh	Tốt	TB	11,6	6,3	0,00	4,00	5,50	3,25	
103	005	**320103**	ĐINH THỊ HIỀN	Nữ	20/04/2004	Xã Lương Nha, Thanh Sơn, Phú Thọ	Mường	Tốt	Khá	13,6	7,2	0,50	5,25	3,75	2,25	DT;
104	005	**320104**	ĐỖ THỊ HIỀN	Nữ	23/10/2004	Xã Lương Nha, Thanh Sơn, Phú Thọ	Mường	Tốt	Khá	14,8	7,3	0,50	6,50	2,75	3,75	DT;
105	005	**320105**	HOÀNG THỊ THU HIỀN	Nữ	09/10/2004	Hoàng Xá, Thanh Thủy, Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	13,6	6,8	0,00	6,50	4,00	1,75	
106	005	**320106**	HOÀNG THỊ THÚY HIỀN	Nữ	12/06/2004	Bệnh viện huyện Thanh Thủy	Kinh	Tốt	Khá	13,5	7,2	0,00	6,50	1,75	3,25	
107	005	**320107**	NGUYỄN THỊ THU HIỀN	Nữ	05/01/2004	Trung tâm y tế Thanh Thủy	Kinh	Tốt	TB	11,6	6,9	0,00	5,75	2,75	2,00	
108	005	**320108**	NGUYỄN THỊ THU HIỀN	Nữ	18/03/2004	Trung tâm y tế huyện Thanh Thủy	Kinh	Tốt	TB	11,7	6,6	0,00	2,50	0,75	2,25	
109	005	**320109**	NGUYỄN THU HIỀN	Nữ	01/11/2004	Trạm y tế xã Đoan Hạ	Kinh	Khá	TB	11,7	6,8	0,00	4,75	3,00	2,00	
110	005	**320110**	NGUYỄN THU HIỀN	Nữ	06/04/2004	Trạm y tế xã Yến Mao	Kinh	Tốt	TB	11,3	6,9	0,00	2,50	3,50	2,00	
111	005	**320111**	QUYẾT THỊ HIỀN	Nữ	12/12/2004	Trạm y tế xã Trung Thịnh	Kinh	Tốt	Khá	12,6	6,8	0,00	5,50	2,50	4,00	

Stt	Phòng thi	Số báo danh	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	HK	HL	Điểm TBmcn Toán+ Ngữ văn 9	ĐTBcn 9	Điểm UT	Điểm thi			Ghi chú
													Ngữ văn	Tiếng Anh	Toán	
112	005	**320112**	VŨ THỊ THU HIỀN	Nữ	24/08/2004	Tu Vũ, Thanh Thủy, Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	14,2	7,7	0,00	6,50	4,00	4,00	
113	005	**320113**	ĐÀO VĂN HIẾU	Nam	20/02/2003	Trạm y tế xã Sơn Thủy	Kinh	Khá	TB	10,3	6,2	0,00	4,25	0,75	2,00	
114	005	**320114**	NGUYỄN DUY HIẾU	Nam	09/02/2004	Trạm y tế xã Sơn Thủy	Kinh	Khá	TB	10,2	5,9	0,00	5,50	2,50	1,75	
115	005	**320115**	NGUYỄN MINH HIẾU	Nam	30/10/2004	Trạm y tế xã Hoàng Xá	Kinh	Tốt	TB	11,9	6,9	0,00	5,50	4,00	3,00	
116	005	**320116**	NGUYỄN NGỌC HIẾU	Nam	16/05/2004	Trạm y tế xã Yến Mao	Mường	Tốt	Khá	12,7	6,7	0,50	2,50	3,75	6,75	DT;
117	005	**320117**	NGUYỄN TRUNG HIẾU	Nam	06/08/2004	Bệnh viện Việt Trì, Phú Thọ	Mường	Tốt	Khá	13,4	7,2	0,50	7,00	2,75	6,25	DT;
118	005	**320118**	TRẦN TRUNG HIẾU	Nam	29/03/2004	Tu Vũ, Thanh Thủy, Phú Thọ	Kinh	Tốt	Giỏi	15,9	8,1	0,00	6,50	3,50	8,75	
119	005	**320119**	NGUYỄN VĂN HIỆP	Nam	18/02/2004	Xã Lương Nha, Thanh Sơn, Phú Thọ	Mường	Tốt	Khá	13,7	6,5	0,50	4,50	4,00	2,50	DT;
120	005	**320120**	ĐOÀN THỊ HOA	Nữ	14/04/2004	Trạm y tế xã Lương Nha	Kinh	Tốt	Khá	16,3	7,8	0,00	7,25	5,50	5,00	
121	006	**320121**	NGUYỄN THỊ HOA	Nữ	08/11/2004	Trạm y tế xã Sơn Thủy	Kinh	Tốt	TB	10,7	5,9	0,00	6,00	1,75	2,50	
122	006	**320122**	PHÙNG THỊ HOA	Nữ	22/09/2004	Trạm y tế xã Yến Mao	Kinh	Tốt	Khá	12,9	7,0	0,00	5,75	3,00	2,25	
123	006	**320123**	PHÙNG THỊ THANH HOA	Nữ	10/06/2004	Trạm y tế xã Trung Nghĩa	Kinh	Tốt	TB	11,8	6,2	0,00	6,25	2,25	2,25	
124	006	**320124**	DƯƠNG THỊ NGỌC HOÀI	Nữ	24/11/2004	Yên Bồng, Lạc Thủy, Hòa Bình	Kinh	Tốt	Khá	14,9	7,7	0,00	7,25	3,50	4,00	
125	006	**320125**	NGUYỄN THỊ THU HOÀI	Nữ	08/04/2004	Phượng Mao, Thanh Thủy, Phú Thọ	Mường	Tốt	Khá	13,4	7,4	0,50	6,00	3,50	3,00	DT;
126	006	**320126**	ĐINH HUY HOÀNG	Nam	05/01/2004	Trạm y tế xã Yến Mao	Mường	Tốt	Khá	15,3	7,8	0,50	5,25	5,50	8,00	DT;
127	006	**320127**	LÊ VIỆT HOÀNG	Nam	19/09/2004	Trạm y tế xã Trung Nghĩa	Kinh	Tốt	Khá	14,1	7,5	0,00	6,75	2,75	3,25	
128	006	**320128**	NGUYỄN HUY HOÀNG	Nam	12/01/2004	Trạm y tế xã Sơn Thủy	Kinh	Khá	TB	11,1	6,7	0,00	6,50	1,75	2,75	
129	006	**320129**	NGUYỄN HỮU HOÀNG	Nam	27/11/2004	Bệnh viện tỉnh Phú Thọ	Kinh	Tốt	TB	10,3	5,7	0,00	4,00	2,50	2,00	
130	006	**320130**	NGUYỄN NGỌC HOÀNG	Nam	28/11/2004	Trạm y tế xã Sơn Thủy	Kinh	Tốt	TB	11,1	6,5	0,00	4,50	2,25	6,25	
131	006	**320131**	NGUYỄN VIỆT HOÀNG	Nam	13/08/2004	Xã Lương Nha, Thanh Sơn, Phú Thọ	Mường	Tốt	Khá	12,8	6,7	0,50	4,50	5,00	2,50	DT;
132	006	**320132**	TẠ ĐÌNH HOÀNG	Nam	15/06/2004	Tu Vũ, Thanh Thủy, Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	13,0	7,2	0,00	6,00	3,50	6,00	
133	006	**320133**	TRẦN HUY HOÀNG	Nam	18/10/2004	Trạm y tế xã Đào Xá	Kinh	Tốt	TB	12,5	6,2	0,00	5,75	2,00	5,00	
134	006	**320134**	TRẦN HUY HOÀNG	Nam	02/04/2004	Tu Vũ, Thanh Thủy, Phú Thọ	Kinh	Tốt	Giỏi	16,8	8,5	0,00	8,00	6,50	8,75	
135	006	**320135**	VŨ MINH HOÀNG	Nam	31/10/2004	Trạm y tế xã Đồng Luận	Kinh	Tốt	Khá	14,6	7,8	0,00	7,25	6,75	6,50	
136	006	**320136**	NGUYỄN MẠNH HÒA	Nam	08/10/2004	Tinh Nhuệ, Thanh Sơn, Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	15,3	8,2	0,50	6,50	4,25	6,50	VĐBKK;
137	006	**320137**	ĐẶNG THÁI HỌC	Nam	17/04/2004	Xã Tu Vũ, Thanh Thủy, Phú Thọ	Kinh	Khá	TB	11,9	5,9	0,00	4,75	2,25	4,50	
138	006	**320138**	ĐẶNG PHƯỢNG HỒNG	Nữ	22/06/2004	Hoàng Xá, Thanh Thủy, Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	13,2	6,8	0,00	4,25	1,50	3,75	
139	006	**320139**	NGUYỄN THỊ HẢI HỒNG	Nữ	13/04/2004	Trạm y tế xã Đồng Luận	Kinh	Tốt	TB	11,7	7,2	0,00	5,25	2,00	1,75	
140	006	**320140**	NGUYỄN THỊ HUẾ	Nữ	22/12/2004	Bệnh viện huyện Thanh Thủy	Kinh	Tốt	TB	11,5	6,2	0,00	4,50	2,25	4,00	
141	006	**320141**	NGUYỄN HUỆ	Nữ	10/10/2004	Trạm y tế xã Sơn Thủy	Kinh	Tốt	TB	10,2	6,0	0,00	5,00	1,75	1,25	
142	006	**320142**	NGUYỄN THỊ HUỆ	Nữ	03/09/2004	Trung Thịnh, Thanh Thủy, Phú Thọ	Kinh	Tốt	TB	11,4	6,5	0,00	6,25	3,75	3,00	
143	006	**320143**	ĐINH QUANG HUY	Nam	05/04/2004	Phượng Mao, Thanh Thủy, Phú Thọ	Mường	Tốt	Khá	13,2	7,1	0,50	4,25	4,75	3,75	DT;
144	006	**320144**	ĐINH VŨ HUY	Nam	12/07/2004	Trạm y tế xã Trung Thịnh	Kinh	Tốt	TB	11,9	6,8	0,00	6,25	5,00	4,25	
145	007	**320145**	NGUYỄN VĂN HUY	Nam	10/03/2004	Trạm y tế xã Sơn Thủy	Kinh	Khá	TB	11,5	6,1	0,00	6,00	2,25	3,50	
146	007	**320146**	VŨ QUANG HUY	Nam	05/06/2004	Bảo Yên, Thanh Thủy, Phú Thọ	Kinh	Khá	TB	9,9	5,5	0,00	4,25	1,25	2,25	
147	007	**320147**	ĐINH THỊ VÂN HUYỀN	Nữ	17/02/2004	Bệnh viện huyện Thanh Sơn	Mường	Tốt	Giỏi	16,2	8,4	0,50	7,50	4,75	4,50	DT;
148	007	**320148**	NGUYỄN THANH HUYỀN	Nữ	09/03/2004	Trạm y tế xã Trung Nghĩa	Kinh	Tốt	TB	10,9	5,8	0,00	7,00	1,75	3,00	
149	007	**320149**	NGUYỄN THỊ NGỌC HUYỀN	Nữ	01/09/2004	Trạm y tế xã Sơn Thủy	Kinh	Tốt	TB	11,0	5,9	0,00	4,75	1,00	1,75	
150	007	**320150**	NGUYỄN THỊ THANH HUYỀN	Nữ	29/02/2004	Hoàng Xá, Thanh Thủy, Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	14,2	7,8	0,00	5,50	4,50	5,75	

Stt	Phòng thi	Số báo danh	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	HK	HL	Điểm TBmcn Toán+ Ngữ văn 9	ĐTBcn 9	Điểm UT	Điểm thi			Ghi chú
													Ngữ văn	Tiếng Anh	Toán	
151	007	**320151**	THIỀU THỊ NGỌC HUYỀN	Nữ	22/04/2004	Trạm y tế xã Đồng Luận	Tày	Tốt	Khá	11,9	7,0	0,50	7,00	2,50	2,50	DT;
152	007	**320152**	BÙI PHI HÙNG	Nam	02/11/2004	Phượng Mao, Thanh Thủy, Phú Thọ	Mường	Tốt	TB	11,5	6,4	0,50	4,50	4,50	6,25	DT;
153	007	**320153**	NGUYỄN DUY HÙNG	Nam	12/02/2004	Phượng Mao, Thanh Thủy, Phú Thọ	Mường	Khá	TB	12,5	6,5	0,50	4,00	3,75	2,75	DT;
154	007	**320154**	NGUYỄN ĐÌNH HÙNG	Nam	07/12/2004	Bệnh viện Thanh Thủy, Phú Thọ	Kinh	Tốt	TB	11,0	6,1	0,00	5,50	2,75	3,50	
155	007	**320155**	NGUYỄN PHẠM HÙNG	Nam	14/08/2004	Trạm y tế xã Sơn Thủy	Kinh	Khá	TB	10,3	6,0	0,00	3,50	0,25	1,50	
156	007	**320156**	PHẠM HÙNG	Nam	09/07/2004	Trung tâm y tế huyện Thanh Thủy	Kinh	Tốt	TB	11,7	6,8	0,00	6,50	3,75	3,75	
157	007	**320157**	ĐÀO THỊ MAI HƯƠNG	Nữ	23/08/2004	Phòng khám Bắt Bạt	Kinh	Tốt	TB	10,4	6,3	0,00	3,50	2,25	2,50	
158	007	**320158**	HOÀNG THU HƯƠNG	Nữ	05/07/2004	Xóm Mới, Tinh Nhuệ, Thanh Sơn, Phú	Mường	Tốt	Khá	13,8	7,7	0,50	7,00	2,25	1,50	DT;
159	007	**320159**	NGUYỄN ĐẶNG QUỲNH HƯƠNG	Nữ	24/01/2004	Bệnh viện Thanh Thủy, Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	13,7	7,4	0,00	5,75	4,50	4,50	
160	007	**320160**	NGUYỄN QUỲNH HƯƠNG	Nữ	19/12/2004	Bệnh viện Thanh Thủy, Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	13,0	7,3	0,00	6,00	4,75	4,00	
161	007	**320161**	NGUYỄN THỊ HƯƠNG	Nữ	10/05/2004	Trạm y tế xã Sơn Thủy	Kinh	Tốt	Khá	11,7	6,6	0,00	5,00	0,75	2,00	
162	007	**320162**	NGUYỄN THỊ THANH HƯƠNG	Nữ	06/02/2004	Trạm y tế xã Yến Mao	Kinh	Tốt	Khá	11,8	6,5	0,00	3,75	2,50	2,50	
163	007	**320163**	NGUYỄN THỊ THU HƯƠNG	Nữ	03/11/2004	Sơn Thủy, Thanh Thủy, Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	13,0	7,3	0,00	5,25	3,25	1,00	
164	007	**320164**	NGUYỄN THỊ THU HƯƠNG	Nữ	06/08/2004	Xã Tu Vũ, Thanh Thủy, Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	12,3	6,6	0,00	5,75	2,75	2,75	
165	007	**320165**	NGUYỄN THỊ THU HƯƠNG	Nữ	10/09/2004	Trạm y tế xã Yến Mao	Kinh	Tốt	TB	12,7	7,1	0,00	6,75	2,75	2,25	
166	007	**320166**	PHÙNG THỊ DIỆU HƯƠNG	Nữ	01/04/2004	Trạm y tế xã Trung Nghĩa	Kinh	Tốt	TB	11,0	5,9	0,00	4,00	2,25	2,00	
167	007	**320167**	TĂNG THỊ LAN HƯƠNG	Nữ	08/05/2003	Bảo Yên, Thanh Thủy, Phú Thọ	Kinh	Tốt	TB	9,3	5,7	0,00	4,50	2,25	1,50	
168	007	**320168**	THIỀU LAN HƯƠNG	Nữ	03/02/2004	Trạm y tế xã Đồng Luận	Mường	Tốt	TB	11,1	6,7	0,50	6,00	1,75	1,25	DT;
169	008	**320169**	NGÔ THU HƯỜNG	Nữ	14/09/2004	Trạm y tế xã Lương Nha	Mường	Tốt	Khá	12,6	6,9	0,50	6,00	3,00	3,00	DT;
170	008	**320170**	NGUYỄN THỊ HƯỜNG	Nữ	19/02/2004	Bệnh viện Thanh Thủy, Phú Thọ	Kinh	Tốt	TB	11,6	6,8	0,00	5,50	2,50	2,50	
171	008	**320171**	PHẠM THU HƯỜNG	Nữ	29/11/2004	Tinh Nhuệ, Thanh Sơn, Phú Thọ	Mường	Tốt	Giỏi	17,0	8,6	0,50	8,00	4,00	7,25	DT;
172	008	**320172**	TRẦN THỊ HƯỜNG	Nữ	18/09/2004	Trạm y tế xã Đồng Luận	Kinh	Tốt	Khá	14,0	7,5	0,00	5,50	4,50	4,75	
173	008	**320173**	TRẦN THỊ THÚY HƯỜNG	Nữ	29/10/2004	Trạm y tế xã Đoan Hạ	Kinh	Tốt	Khá	14,3	8,3	0,00	6,25	5,50	4,50	
174	008	**320174**	KIỀU QUANG KHANH	Nam	25/10/2004	Tu Vũ, Thanh Thủy, Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	13,4	7,3	0,00	6,50	2,00	5,00	
175	008	**320175**	HÀ DUY KHÁNH	Nam	10/05/2004	Trạm y tế xã Lương Nha	Mường	Tốt	TB	9,9	5,7	0,50				DT;
176	008	**320176**	TRẦN NGỌC KHÁNH	Nam	19/07/2004	Trạm y tế xã Sơn Thủy	Kinh	Tốt	TB	11,2	6,6	0,00	4,75	3,25	2,75	
177	008	**320177**	ĐẶNG ĐÌNH KHIÊM	Nam	06/03/2004	Trung tâm y tế huyện Thanh Thủy	Kinh	Tốt	Giỏi	16,4	8,5	0,00	6,25	7,50	9,00	
178	008	**320178**	PHẠM NGỌC KHUÊ	Nam	06/02/2004	Xã Thắng Sơn, Thanh Sơn, Phú Thọ	Mường	Tốt	Khá	12,9	6,7	0,50	4,50	2,50	5,50	DT;
179	008	**320179**	QUYẾT TIẾN KIÊN	Nam	16/08/2004	Trạm y tế xã Trung Thịnh	Kinh	Tốt	Khá	12,9	7,6	0,00	5,50	3,25	4,50	
180	008	**320180**	NGUYỄN THỊ LAN	Nữ	25/10/2004	Hoàng Xá, Thanh Thủy, Phú Thọ	Kinh	Khá	Khá	13,0	7,0	0,00	5,75	4,00	2,75	
181	008	**320181**	NGUYỄN THỊ THANH LÂM	Nữ	20/10/2004	Trạm y tế xã Sơn Thủy	Kinh	Khá	TB	10,8	6,2	0,00	4,75	4,00	3,25	
182	008	**320182**	LÊ THỊ KHÁNH LỆ	Nữ	30/11/2004	Trạm y tế xã Trung Thịnh	Kinh	Tốt	TB	12,1	7,0	0,00	5,50	3,50	3,25	
183	008	**320183**	LÊ THỊ NHẬT LỆ	Nữ	29/02/2004	Xã Lương Nha, Thanh Sơn, Phú Thọ	Mường	Tốt	TB	12,6	6,7	0,50	3,75	3,00	4,00	DT;
184	008	**320184**	NGUYỄN THỊ NHẬT LỆ	Nữ	03/12/2004	Trạm y tế xã Hoàng Xá	Kinh	Tốt	TB	11,4	6,3	0,00	5,25	3,00	2,00	
185	008	**320185**	TĂNG THỊ LỆ	Nữ	29/01/2004	Trạm y tế xã Bảo Yên	Kinh	Tốt	TB	10,5	5,6	0,00	5,50	1,75	3,00	
186	008	**320186**	ĐÀO THỊ THÙY LINH	Nữ	17/08/2004	Trạm y tế xã Trung Nghĩa	Kinh	Tốt	TB	12,7	6,1	0,00	6,50	1,50	3,50	
187	008	**320187**	ĐINH DIỆU LINH	Nữ	12/12/2004	Trạm y tế xã Trung Nghĩa	Mường	Khá	TB	10,6	5,8	0,50	3,25	2,50	2,75	DT;
188	008	**320188**	ĐỖ HỒNG LINH	Nữ	27/06/2004	HBông, Chư Sê, Gia Lai	Kinh	Tốt	Khá	12,5	7,1	0,00	4,00	4,75	3,25	
189	008	**320189**	HÀ QUANG LINH	Nam	21/04/2004	Xã Lương Nha, Thanh Sơn, Phú Thọ	Mường	Tốt	Khá	13,7	7,0	0,50	4,00	4,50	4,75	DT;

Stt	Phòng thi	Số báo danh	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	HK	HL	Điểm TBmcn Toán+ Ngữ văn 9	ĐTBcn 9	Điểm ƯT	Điểm thi			Ghi chú
													Ngữ văn	Tiếng Anh	Toán	
190	008	**320190**	HÀ THỊ LINH	Nữ	16/06/2004	Trạm y tế xã Sơn Thủy	Kinh	Khá	TB	10,8	5,9	0,00	4,75	1,75	2,25	
191	008	**320191**	HÀ THỊ KHÁNH LINH	Nữ	07/05/2004	Trạm y tế xã Hoàng Xá	Kinh	Tốt	Khá	13,7	7,4	0,00	4,75	6,00	4,25	
192	008	**320192**	HOÀNG THỊ KHÁNH LINH	Nữ	15/08/2004	Trạm y tế xã Hoàng Xá	Kinh	Tốt	TB	12,1	6,7	0,00	4,50	5,25	2,50	
193	009	**320193**	NGUYỄN KHÁNH LINH	Nữ	04/09/2004	Lương Nha, Thanh Sơn, Phú Thọ	Kinh	Tốt	Giỏi	15,4	8,0	0,00	6,75	3,00	3,75	
194	009	**320194**	NGUYỄN KHÁNH LINH	Nữ	09/09/2004	Thắng Sơn, Thanh Sơn, Phú Thọ	Mường	Tốt	Khá	13,9	7,8	0,50	6,50	4,50	2,50	DT;
195	009	**320195**	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG LINH	Nữ	23/10/2004	Bệnh viện Thanh Thủy, Phú Thọ	Kinh	Tốt	TB	11,5	6,5	0,00	6,00	2,00	3,25	
196	009	**320196**	NGUYỄN THỊ THÙY LINH	Nữ	19/06/2004	Trạm y tế xã Sơn Thủy	Kinh	Tốt	Khá	12,3	7,0	0,00	6,50	2,25	2,75	
197	009	**320197**	PHAN DIỆU LINH	Nữ	11/06/2004	Trạm y tế xã Trung Nghĩa	Kinh	Tốt	TB	10,9	6,0	0,00	5,50	2,00	3,25	
198	009	**320198**	PHÙNG THỊ THÙY LINH	Nữ	24/12/2004	Trạm y tế xã Yến Mao	Mường	Tốt	TB	10,4	6,4	0,50	5,50	3,00	2,50	DT;
199	009	**320199**	QUYẾT THỊ THÙY LINH	Nữ	10/06/2004	Trạm y tế xã Đồng Luận	Kinh	Tốt	Khá	13,0	7,2	0,00	4,75	2,75	2,75	
200	009	**320200**	TRẦN THỊ LINH	Nữ	05/01/2004	Xã Tu Vũ, Thanh Thủy, Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	12,1	6,9	0,00	6,25	2,75	2,25	
201	009	**320201**	TRẦN THỊ KHÁNH LINH	Nữ	23/08/2004	Tu Vũ,Thanh Thủy, Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	12,3	6,8	0,00	4,75	2,50	3,50	
202	009	**320202**	VŨ DIỆU LINH	Nữ	03/12/2004	Trạm y tế xã Long Cốc	Kinh	Tốt	Khá	12,4	6,9	0,50	5,75	4,50	3,50	CDT;
203	009	**320203**	ĐOÀN THỊ KIM LOAN	Nữ	01/11/2004	Tất Thắng, Thanh Sơn, Phú Thọ	Kinh	Tốt	TB	12,0	6,5	0,50	1,75	2,00	1,00	VĐBKK;
204	009	**320204**	PHẠM THỊ KIM LOAN	Nữ	18/03/2004	Bệnh viện huyện Thanh Thủy	Kinh	Tốt	Khá	12,0	6,8	0,00	5,50	3,25	2,25	
205	009	**320205**	NGUYỄN VĂN LỌNG	Nam	14/02/2004	Tinh Nhuệ, Thanh Sơn, Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	14,9	8,0	0,50	5,75	3,00	4,75	VĐBKK;
206	009	**320206**	KHUẤT QUANG LỘC	Nam	30/05/2004	Tu Vũ,Thanh Thủy, Phú Thọ	Kinh	Tốt	TB	9,9	5,4	0,00	5,50	1,75	2,25	
207	009	**320207**	NGUYỄN VĂN LỘC	Nam	03/09/2004	Xã Lương Nha, Thanh Sơn, Phú Thọ	Mường	Tốt	Khá	13,4	6,9	0,50	3,75	3,50	3,75	DT;
208	009	**320208**	NGUYỄN TÁ LƯƠNG	Nam	08/04/2004	Bệnh viên huyện Thanh Thủy	Kinh	Tốt	TB	12,5	6,8	0,00	4,50	1,75	2,75	
209	009	**320209**	TRẦN ĐỨC LƯƠNG	Nam	23/03/2004	Trạm y tế xã Trung Nghĩa	Kinh	Tốt	TB	10,3	5,9	0,00	4,75	2,50	2,00	
210	009	**320210**	NGUYỄN TRỌNG LỰC	Nam	15/01/2004	Bệnh viện đa khoa Thanh Thủy, Phú Th	Kinh	Khá	TB	10,7	6,2	0,00	3,25	2,00	2,25	
211	009	**320211**	NGUYỄN HOÀI LY	Nữ	04/12/2004	Phượng Mao, Thanh Thủy, Phú Thọ	Mường	Tốt	Khá	12,2	7,0	0,50	5,25	3,50	1,75	DT;
212	009	**320212**	NGUYỄN THỊ LY	Nữ	20/02/2004	Xã Yến Mao, Thanh Thủy, Phú Tho	Kinh	Tốt	TB	11,9	6,1	0,00	5,00	2,00	2,00	
213	009	**320213**	PHAN THỊ LY	Nữ	18/04/2004	Xã Lương Nha, Thanh Sơn, Phú Thọ	Mường	Tốt	TB	12,2	6,3	0,50	4,00	2,25	2,25	DT;
214	009	**320214**	NGUYỄN PHƯƠNG MAI	Nữ	22/06/2004	Bệnh viện Thanh Thủy, Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	13,0	7,3	0,00	6,25	3,75	5,00	
215	009	**320215**	NGUYỄN THANH MAI	Nữ	26/08/2004	Tinh Nhuệ, Thanh Sơn, Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	13,0	7,5	0,50	5,50	3,00	2,00	VĐBKK;
216	009	**320216**	PHẠM THỊ NGỌC MAI	Nữ	29/09/2004	Bệnh viện Thanh Thủy, Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	12,1	7,0	0,00	5,75	3,75	3,50	
217	010	**320217**	ĐẶNG XUÂN MẠNH	Nam	17/12/2003	Trung tâm y tế huyện Thanh Thủy	Mường	Tốt	TB	12,5	7,0	0,50	6,00	3,00	4,25	DT;
218	010	**320218**	HÀ DUY MẠNH	Nam	15/09/2004	Xã Thắng Sơn, Thanh Sơn, Phú Thọ	Mường	Tốt	Khá	13,4	7,2	0,50	3,75	5,50	3,50	DT;
219	010	**320219**	NGUYỄN ĐỨC MẠNH	Nam	31/01/2004	Trạm y tế xã Đoan Hạ	Kinh	Tốt	TB	10,9	6,2	0,00	4,25	2,50	3,50	
220	010	**320220**	NGUYỄN PHI MẠNH	Nam	16/08/2004	Hoàng Xá, Thanh Thủy, Phú Thọ	Kinh	Tốt	TB	10,2	6,0	0,00	3,50	2,75	2,25	
221	010	**320221**	NGUYỄN THỊ MINH	Nữ	27/09/2004	Trung tâm y tế huyện Thanh Thủy	Kinh	Tốt	TB	9,4	5,6	0,00	4,75	2,00	1,75	
222	010	**320222**	PHẠM NHẬT MINH	Nam	12/01/2004	Bệnh viện Thanh Thủy, Phú Thọ	Kinh	Tốt	TB	10,8	6,5	0,00	4,00	2,25	3,50	
223	010	**320223**	ĐINH TRÀ MY	Nữ	19/04/2004	Phượng Mao, Thanh Thủy, Phú Thọ	Mường	Tốt	Giỏi	16,0	8,3	0,50	8,00	7,75	5,00	DT;
224	010	**320224**	NGUYỄN HUYỀN MY	Nữ	09/03/2004	Bệnh viện huyện Thanh Thủy	Kinh	Tốt	Khá	14,7	8,0	0,00	5,00	6,50	5,25	
225	010	**320225**	NGUYỄN THỊ TRÀ MY	Nữ	04/07/2004	Trạm y tế xã Sơn Thủy	Kinh	Tốt	TB	11,9	6,6	0,00	5,25	2,25	4,00	
226	010	**320226**	NGUYỄN HOÀI NAM	Nam	31/10/2004	Trạm y tế xã Đoan Hạ	Kinh	Khá	TB	11,4	6,3	0,00	3,50	2,50	2,50	
227	010	**320227**	HÀ THỊ QUỲNH NGA	Nữ	30/05/2004	Trạm y tế xã Sơn Thủy	Kinh	Khá	Khá	12,1	7,0	0,00	3,75	3,00	3,00	
228	010	**320228**	NGUYỄN THÚY NGA	Nữ	05/09/2004	Trạm y tế xã Sơn Thủy	Kinh	Tốt	TB	11,2	6,4	0,00	4,00	2,75	2,00	

Stt	Phòng thi	Số báo danh	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	HK	HL	Điểm TBmcn Toán+ Ngữ văn 9	ĐTBcn 9	Điểm UT	Điểm thi			Ghi chú
													Ngữ văn	Tiếng Anh	Toán	
229	010	**320229**	TỐNG THANH NGA	Nữ	10/09/2004	Trạm y tế xã Yến Mao	Kinh	Tốt	TB	11,6	7,0	0,00	5,25	2,75	3,25	
230	010	**320230**	VŨ THỊ NGÀ	Nữ	28/08/2004	Trạm y tế xã Sơn Thủy	Kinh	Khá	TB	10,8	6,3	0,00	5,75	2,00	1,50	
231	010	**320231**	CẤN THẢO NGÂN	Nữ	08/06/2004	Trạm y tế xã Lương Nha	Mường	Tốt	Khá	13,6	7,3	0,50	7,00	4,25	5,25	DT;
232	010	**320232**	ĐINH THỊ NGÂN	Nữ	10/09/2004	Xã Thắng Sơn, Thanh Sơn, Phú Thọ	Mường	Tốt	Khá	14,5	7,6	0,50	5,25	4,50	2,50	DT;
233	010	**320233**	NGUYỄN THỊ THÚY NGÂN	Nữ	30/06/2004	Hoàng Xá, Thanh Thủy, Phú Thọ	Kinh	Tốt	TB	10,5	6,8	0,00	7,50	2,25	2,25	
234	010	**320234**	NGUYỄN MẠNH NGHĨA	Nam	04/01/2004	Xã Bảo yên, Thanh Thủy, Phú Thọ	Kinh	TB	TB	10,4	6,0	0,00	3,00	2,75	3,00	
235	010	**320235**	HÀ THỊ HỒNG NGỌC	Nữ	13/06/2004	Xã Phượng Mao, Thanh Thủy, Phú Tho	Mường	Tốt	TB	11,5	6,2	0,50	6,50	2,50	2,50	DT;
236	010	**320236**	LÊ HOÀI NGỌC	Nữ	29/05/2004	Trạm y tế xã Lương Nha	Kinh	Tốt	Khá	13,0	7,0	0,00	7,00	2,75	3,50	
237	010	**320237**	LÊ THỊ NGỌC	Nữ	14/10/2004	Hoàng Xá, Thanh Thủy, Phú Thọ	Kinh	Tốt	TB	10,2	5,8	0,00	3,50	1,75	3,75	
238	010	**320238**	NGUYỄN THÀNH NGỌC	Nam	31/01/2004	Trạm y tế xã Đoan Hạ	Kinh	Tốt	TB	11,3	6,1	0,00	4,25	3,25	3,25	
239	010	**320239**	NGUYỄN THẾ NGỌC	Nam	01/06/2004	Hoàng Xá, Thanh Thủy, Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	13,1	6,8	0,00	6,00	2,25	5,75	
240	010	**320240**	NGUYỄN THỊ HỒNG NGỌC	Nữ	22/09/2004	Trạm y tế xã Sơn Thủy	Kinh	Tốt	Khá	13,1	6,9	0,00	6,75	2,25	4,50	
241	011	**320241**	TRẦN HẢI NGỌC	Nữ	08/10/2004	Trạm y tế xã Trung Nghĩa	Kinh	Tốt	Khá	13,8	6,7	0,00	4,50	3,25	7,50	
242	011	**320242**	VŨ MINH NGỌC	Nam	25/07/2004	Trung Nghĩa, Thanh Thủy, Phú Thọ	Kinh	Tốt	TB	12,4	6,7	0,00	4,75	1,75	4,00	
243	011	**320243**	NGUYỄN PHƯƠNG NGUYÊN	Nữ	19/07/2004	Trạm y tế xã Yến Mao	Mường	Tốt	Khá	12,7	7,0	0,50	5,00	1,75	2,75	DT;
244	011	**320244**	GIANG MINH NGUYỆT	Nữ	04/10/2004	Trạm y tế xã Trung Nghĩa	Kinh	Tốt	Khá	13,1	7,0	0,00	6,25	1,75	2,50	
245	011	**320245**	NGUYỄN THỊ NGUYỆT	Nữ	06/02/2004	Hoàng Xá, Thanh Thủy, Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	13,7	7,3	0,00	5,50	5,00	4,75	
246	011	**320246**	NGUYỄN THỊ ÁNH NGUYỆT	Nữ	21/06/2004	Trạm y tế xã Đoan Hạ	Kinh	Tốt	TB	10,9	6,2	0,00	5,50	4,50	2,50	
247	011	**320247**	NGUYỄN THỊ YẾN NHI	Nữ	17/10/2004	Trung tâm y tế huyện Ba Vì	Kinh	Tốt	Giỏi	15,6	8,1	0,00	6,00	5,75	7,75	
248	011	**320248**	ĐINH THỊ HỒNG NHUNG	Nữ	23/12/2004	Bệnh viện huyện Thanh Thủy	Kinh	Tốt	TB	11,8	5,9	0,00	5,00	4,25	2,75	
249	011	**320249**	ĐỖ THỊ HỒNG NHUNG	Nữ	19/10/2004	Hoàng Xá, Thanh Thủy, Phú Thọ	Kinh	Tốt	TB	11,1	7,0	0,00	4,25	3,25	4,00	
250	011	**320250**	KHUẤT THỊ HỒNG NHUNG	Nữ	10/03/2004	Trạm y tế xã Trung Nghĩa	Kinh	Tốt	Giỏi	16,5	8,1	0,00	6,00	4,50	7,75	
251	011	**320251**	NGUYỄN THỊ HỒNG NHUNG	Nữ	19/10/2004	Trạm y tế xã Sơn Thủy	Kinh	Tốt	TB	12,0	6,4	0,00	5,25	3,00	1,00	
252	011	**320252**	NGUYỄN QUỲNH NHƯ	Nữ	13/12/2004	Trạm y tế xã Trung Thịnh	Kinh	Tốt	Giỏi	16,7	8,5	0,00	8,00	6,00	7,25	
253	011	**320253**	NGUYỄN THỊ OANH	Nữ	06/06/2004	Trạm y tế xã Yến Mao	Kinh	Tốt	Giỏi	16,5	8,4	0,00	7,00	5,50	7,75	
254	011	**320254**	NGUYỄN TRỌNG OÁNH	Nam	04/10/2004	Trạm y tế xã Đoan Hạ	Kinh	Khá	TB	10,2	5,8	0,00	3,25	2,25	2,25	
255	011	**320255**	TRẦN VĂN PHÁP	Nam	09/10/2004	Tu Vũ,Thanh Thủy, Phú Thọ	Kinh	Tốt	TB	9,9	5,6	0,00	4,00	3,50	2,00	
256	011	**320256**	NGUYỄN NGỌC PHẤN	Nam	17/02/2004	Bệnh viện Thanh Thủy, Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	12,7	7,0	0,00	6,50	4,00	6,50	
257	011	**320257**	NGUYỄN VIỆT PHONG	Nam	01/09/2004	Bệnh viện Thanh Thủy, Phú Thọ	Kinh	Tốt	TB	11,3	7,0	0,00	6,25	2,25	2,50	
258	011	**320258**	CHU HOÀNG PHÚC	Nam	08/01/2004	Phượng Mao, Thanh Thủy, Phú Thọ	Mường	Tốt	Khá	12,5	6,9	0,50	5,25	2,75	3,00	DT;
259	011	**320259**	ĐINH KHÁNH PHƯƠNG	Nữ	13/07/2004	Xã Thắng Sơn, Thanh Sơn, Phú Thọ	Mường	Tốt	Giỏi	16,4	8,1	0,50	7,25	4,25	2,25	DT;
260	011	**320260**	HOÀNG THỊ THÚY PHƯƠNG	Nữ	13/06/2004	Trạm y tế xã Đồng Luận	Kinh	Tốt	TB	11,6	7,0	0,00	5,50	1,50	2,25	
261	011	**320261**	NGUYỄN MAI PHƯƠNG	Nữ	09/09/2004	Trung tâm y tế huyện Than Uyên, Lai C	Kinh	Tốt	Khá	14,9	8,0	0,00	6,25	8,00	6,00	
262	011	**320262**	NGUYỄN THANH PHƯƠNG	Nữ	17/09/2004	Trạm y tế xã Yến Mao	Mường	Tốt	Khá	13,4	7,8	0,50	6,00	6,50	3,00	DT;
263	011	**320263**	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	Nữ	30/01/2004	Trạm y tế xã Trung Thịnh	Kinh	Tốt	Khá	13,9	7,5	0,00	7,25	2,75	2,25	
264	011	**320264**	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	Nữ	13/07/2004	Trạm y tế xã Đoan Hạ	Kinh	Tốt	Khá	12,5	6,9	0,00	6,50	2,25	3,25	
265	012	**320265**	NGUYỄN THỊ MINH PHƯƠNG	Nữ	05/06/2004	Trung tâm y tế huyện Thanh Thủy	Kinh	Tốt	TB	12,0	6,7	0,00	4,50	4,00	2,75	
266	012	**320266**	PHÙNG THỊ MAI PHƯƠNG	Nữ	22/01/2004	Trạm y tế xã Yến Mao	Mường	Tốt	Giỏi	15,8	8,1	0,50	7,25	5,25	6,25	DT;
267	012	**320267**	ĐINH THỊ BÍCH PHƯỢNG	Nữ	18/12/2004	Phượng Mao, Thanh Thủy, Phú Thọ	Mường	Tốt	TB	11,2	6,5	0,50	3,50	3,50	1,75	DT;

Stt	Phòng thi	Số báo danh	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	HK	HL	Điểm TBmcn Toán+ Ngữ văn 9	ĐTBcn 9	Điểm UT	Điểm thi			Ghi chú
													Ngữ văn	Tiếng Anh	Toán	
268	012	**320268**	ĐINH VĂN QUANG	Nam	16/01/2004	Trạm y tế xã Sơn Thủy	Kinh	Tốt	TB	10,9	6,2	0,00	4,25	1,75	2,00	
269	012	**320269**	NGUYỄN MẠNH QUANG	Nam	05/09/2004	Trạm y tế xã Sơn Thủy	Kinh	Khá	TB	10,0	5,9	0,00	3,50	1,00	2,00	
270	012	**320270**	NGUYỄN VĂN QUANG	Nam	14/04/2003	Hoàng Xá, Thanh Thủy, Phú Thọ	Kinh	Tốt	TB	11,5	6,0	0,00	4,75	2,25	3,25	
271	012	**320271**	NGUYỄN VĂN QUANG	Nam	25/09/2004	Trạm y tế xã Yến Mao	Mường	Tốt	Khá	12,8	6,9	0,50	6,00	2,25	2,50	DT;
272	012	**320272**	PHẠM VĂN QUANG	Nam	10/02/2004	xã Hoàng Xá, Thanh Thủy, Phú Thọ	Kinh	Khá	TB	11,3	6,3	0,00	2,25	1,75	1,00	
273	012	**320273**	BÙI ANH QUÂN	Nam	03/06/2004	Trạm y tế xã Trung Thịnh	Kinh	Tốt	TB	10,6	6,2	0,00	5,75	1,75	2,50	
274	012	**320274**	BÙI ĐỨC QUÂN	Nam	12/01/2004	Trạm y tế xã Đồng Luận	Kinh	Tốt	Khá	11,8	6,6	0,00	5,00	1,75	4,50	
275	012	**320275**	HOÀNG VĂN QUÂN	Nam	10/02/2004	Trạm y tế xã Trung Nghĩa	Kinh	Tốt	TB	11,1	5,9	0,00	3,25	3,25	2,25	
276	012	**320276**	PHẠM MẠNH QUÂN	Nam	16/01/2004	Tu Vũ, Thanh Thủy, Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	13,4	7,0	0,00	5,75	2,50	6,25	
277	012	**320277**	TẠ THANH QUÂN	Nam	24/01/2004	Trạm y tế xã Đồng Luận	Kinh	Tốt	TB	11,3	6,8	0,00	4,25	1,75	3,25	
278	012	**320278**	TRẦN MINH QUÂN	Nam	25/02/2004	Bệnh viện Thanh Thủy, Phú Thọ	Kinh	Tốt	TB	12,1	6,4	0,00	5,50	2,25	5,75	
279	012	**320279**	NGUYỄN HỒNG QUYÊN	Nữ	26/01/2004	Trạm y tế xã Yến Mao	Mường	Tốt	TB	11,7	6,7	0,50	3,75	2,75	2,50	DT;
280	012	**320280**	NGUYỄN VĂN QUYẾN	Nam	02/04/2004	Trạm y tế xã Yến Mao	Mường	Tốt	Khá	14,7	7,2	0,50	6,25	2,50	6,00	DT;
281	012	**320281**	NGUYỄN VĂN QUYẾN	Nam	01/06/2004	Xã Lương Nha, Thanh Sơn, Phú Thọ	Mường	Tốt	Khá	13,6	6,8	0,50	4,50	5,50	1,50	DT;
282	012	**320282**	LẠI THỊ DIỄM QUỲNH	Nữ	19/05/2004	Bệnh viện đa khoa Thanh Thủy, Phú Th	Kinh	Tốt	TB	11,2	6,0	0,00	5,50	2,00	2,00	
283	012	**320283**	NGUYỄN NHƯ QUỲNH	Nữ	08/11/2004	Trạm y tế xã Yến Mao	Kinh	Tốt	Khá	13,5	7,5	0,00	5,25	2,75	3,00	
284	012	**320284**	NGUYỄN THỊ HƯƠNG QUỲNH	Nữ	10/09/2004	Trạm y tế xã Sơn Thủy	Kinh	Tốt	TB	11,4	6,5	0,00	3,75	2,25	3,50	
285	012	**320285**	ĐỖ VĂN SƠN	Nam	21/08/2004	Trạm y tế xã Đồng Luận	Kinh	Tốt	TB	11,7	6,8	0,00	5,50	4,00	3,75	
286	012	**320286**	HÀ NGỌC SƠN	Nam	07/03/2004	Bệnh viện tỉnh Hòa Bình	Mường	Tốt	Giỏi	16,1	8,4	0,50	5,50	6,75	6,25	DT;
287	012	**320287**	NGUYỄN TIẾN SỸ	Nam	12/07/2004	Trạm y tế xã Sơn Thủy	Kinh	Khá	TB	11,8	6,4	0,00	5,00	1,50	4,00	
288	012	**320288**	VŨ HỮU TÀI	Nam	05/01/2004	Xã Lương Nha, Thanh Sơn, Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	14,0	7,1	0,00	5,00	3,25	2,75	
289	013	**320289**	TRẦN THỊ MINH TÂM	Nữ	16/11/2004	Trạm y tế xã Đồng Luận	Kinh	Tốt	TB	12,0	7,2	0,00	5,75	1,50	2,50	
290	013	**320290**	NGUYỄN DUY TÂN	Nam	23/10/2004	Xã Thắng Sơn, Thanh Sơn, Phú Thọ	Mường	Tốt	Khá	13,2	6,9	0,50	5,75	4,00	5,00	DT;
291	013	**320291**	NGUYỄN THỊ THANH	Nữ	20/08/2004	Trạm y tế xã Sơn Thủy	Kinh	Khá	Khá	12,6	6,7	0,00	5,25	1,75	2,25	
292	013	**320292**	PHẠM NGỌC THANH	Nam	30/06/2004	Trạm y tế xã Đồng Luận	Kinh	Tốt	Khá	12,9	7,3	0,00	6,25	2,25	7,50	
293	013	**320293**	QUYẾT THỊ THANH	Nữ	24/08/2004	Bệnh viện Thanh Thủy, Phú Thọ	Kinh	Tốt	TB	12,1	7,1	0,00	5,25	4,50	2,75	
294	013	**320294**	ĐỖ QUỐC THÁI	Nam	14/11/2004	Tất Thắng, Thanh Sơn, Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	14,2	7,7	0,00	4,00	2,00	1,75	
295	013	**320295**	ĐINH THỊ THU THẢO	Nữ	18/08/2004	Tất Thắng, Thanh Sơn, Phú Thọ	Mường	Tốt	Khá	13,8	7,4	0,50	2,50	1,50	1,75	DT;
296	013	**320296**	LÊ PHƯƠNG THẢO	Nữ	10/11/2004	Tu Vũ, Thanh Thủy, Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	12,8	6,8	0,00	7,00	3,00	4,00	
297	013	**320297**	NGUYỄN THỊ THANH THẢO	Nữ	09/01/2004	Trạm y tế xã Sơn Thủy	Kinh	Tốt	TB	11,3	6,5	0,00	4,50	2,25	2,25	
298	013	**320298**	NGUYỄN THỊ THU THẢO	Nữ	13/09/2004	Trạm y tế xã Phượng Mao	Mường	Tốt	Khá	13,0	7,0	0,50	5,00	6,75	3,00	DT;
299	013	**320299**	PHẠM THỊ THẢO	Nữ	09/03/2004	Trạm y tế xã Đồng Luận	Kinh	Tốt	TB	11,6	6,8	0,00	5,50	2,25	1,50	
300	013	**320300**	QUYẾT THỊ THẢO	Nữ	24/08/2004	Bệnh viện Thanh Thủy, Phú Thọ	Kinh	Tốt	TB	11,6	6,9	0,00	3,50	2,75	1,75	
301	013	**320301**	QUYẾT THỊ PHƯƠNG THẢO	Nữ	11/06/2004	Trạm y tế xã Đồng Luận	Kinh	Tốt	Khá	13,9	7,6	0,00	4,75	2,25	4,50	
302	013	**320302**	TRẦN THANH THẢO	Nữ	05/03/2004	Trạm y tế xã Đồng Luận	Kinh	Tốt	TB	12,2	7,2	0,00	6,50	2,00	3,50	
303	013	**320303**	ĐINH HỒNG THĂNG	Nam	22/05/2004	Trạm y tế xã Trung Thịnh	Kinh	Tốt	TB	10,1	5,5	0,00	3,00	1,00	2,50	
304	013	**320304**	NGUYỄN THỊ HỒNG THẮM	Nữ	26/11/2004	Phượng Mao, Thanh Thủy, Phú Thọ	Mường	Tốt	Khá	15,5	7,9	0,50	5,25	5,50	7,25	DT;
305	013	**320305**	ĐINH CÔNG THẮNG	Nam	21/09/2004	Tinh Nhuệ, Thanh Sơn, Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	14,1	7,1	0,50	5,25	1,25	3,75	VĐBKK;
306	013	**320306**	NGUYỄN HỮU THẮNG	Nam	15/03/2004	Trạm y tế xã Sơn Thủy	Kinh	Khá	TB	10,9	6,1	0,00	5,50	2,25	1,50	

Stt	Phòng thi	Số báo danh	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	HK	HL	Điểm TBmcn Toán+ Ngữ văn 9	ĐTBcn 9	Điểm UT	Điểm thi			Ghi chú
													Ngữ văn	Tiếng Anh	Toán	
307	013	**320307**	TRẦN ĐÌNH THÂN	Nam	16/11/2004	Trạm y tế xã Trung Thịnh	Kinh	Tốt	TB	11,1	6,6	0,00	5,00	2,50	2,00	
308	013	**320308**	TRẦN ĐÌNH THOẠI	Nam	20/02/2004	Trạm y tế xã Sơn Thủy	Kinh	Khá	TB	11,4	6,6	0,00	5,50	2,00	4,50	
309	013	**320309**	ĐỖ VĂN THÔNG	Nam	25/01/2004	Lương Nha, Thanh Sơn, Phú Thọ	Mường	Tốt	Khá	14,1	7,3	0,50	7,25	3,00	7,50	DT;
310	013	**320310**	GIANG THỊ MINH THÙY	Nữ	26/08/2004	Trạm y tế xã Trung Nghĩa	Kinh	Tốt	Khá	15,0	7,8	0,00	6,75	4,00	2,75	
311	013	**320311**	PHAN THU THÙY	Nữ	22/06/2004	Tu Vũ, Thanh Thủy, Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	13,2	7,2	0,00	7,00	3,25	4,25	
312	013	**320312**	ĐINH THỊ THÚY	Nữ	02/01/2004	Phượng Mao, Thanh Thủy, Phú Thọ	Mường	Tốt	Giỏi	15,5	8,2	0,50	5,75	4,75	6,00	DT;
313	014	**320313**	NGUYỄN THỊ THÚY	Nữ	20/09/2004	Trạm y tế xã Lương Nha	Kinh	Tốt	Khá	12,6	6,5	0,00	3,75	2,50	1,50	
314	014	**320314**	NGUYỄN THU THÚY	Nữ	05/09/2004	Hoàng Xá, Thanh Thủy, Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	13,7	7,5	0,00	5,25	3,75	5,00	
315	014	**320315**	TRẦN THỊ THÚY	Nữ	15/02/2004	Bệnh viện Thanh Thủy, Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	14,4	7,8	0,00	6,50	4,50	5,50	
316	014	**320316**	ĐỖ THÁI THỦY	Nam	19/06/2004	Trạm y tế xã Bảo Yên	Kinh	Tốt	TB	10,9	5,8	0,00	4,00	1,00	3,00	
317	014	**320317**	LÊ THỊ THU THỦY	Nữ	14/02/2004	Trạm y tế xã Đồng Luận	Kinh	Tốt	TB	10,5	6,2	0,00	4,75	2,25	1,75	
318	014	**320318**	NGUYỄN THỊ THU THỦY	Nữ	18/11/2004	Trạm y tế xã Đồng Luận	Kinh	Tốt	Khá	13,9	7,6	0,00	5,75	4,25	5,75	
319	014	**320319**	LÊ THỊ THANH THƯ	Nữ	09/09/2004	Bệnh viện Thanh Thủy, Phú Thọ	Kinh	Tốt	TB	11,0	6,8	0,00	5,50	2,25	2,25	
320	014	**320320**	NGUYỄN ANH THƯ	Nữ	01/03/2004	Trạm y tế xã Trung Thịnh	Kinh	Tốt	TB	10,6	5,9	0,00	4,75	3,50	2,50	
321	014	**320321**	TRẦN ANH THƯ	Nữ	09/11/2004	Tu Vũ, Thanh Thủy, Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	13,8	7,5	0,00	6,25	3,25	4,50	
322	014	**320322**	VŨ MINH THƯ	Nữ	02/02/2004	Trạm y tế xã Đồng Luận	Kinh	Tốt	TB	11,2	7,0	0,00	5,50	2,50	2,00	
323	014	**320323**	NGUYỄN THỊ THƯƠNG	Nữ	17/11/2004	Bệnh viện huyện Thanh Thủy, Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	13,0	7,2	0,00	5,75	2,75	4,50	
324	014	**320324**	PHẠM NGỌC THƯƠNG	Nữ	02/09/2004	Trạm y tế xã Trung Nghĩa	Kinh	Tốt	Khá	13,6	7,0	0,00	5,50	2,50	3,50	
325	014	**320325**	TRẦN ĐÌNH TIẾN	Nam	13/08/2004	Tu Vũ, Thanh Thủy, Phú Thọ	Kinh	Tốt	TB	11,1	6,2	0,00	5,00	1,75	4,00	
326	014	**320326**	NGUYỄN DUY TOÀN	Nam	26/04/2004	Xã Phượng Mao, Thanh Thủy, Phú Tho	Mường	Tốt	TB	10,5	5,6	0,50	3,00	2,25	2,00	DT;
327	014	**320327**	ĐINH THỊ HUYỀN TRANG	Nữ	13/10/2004	Phượng Mao, Thanh Thủy, Phú Thọ	Mường	Tốt	Khá	11,6	6,9	0,50	5,00	3,00	1,00	DT;
328	014	**320328**	GIANG THU TRANG	Nữ	10/02/2004	Trạm y tế xã Trung Nghĩa	Kinh	Tốt	TB	12,2	6,3	0,00	5,25	1,25	2,50	
329	014	**320329**	HÀ THỊ ÁNH TRANG	Nữ	28/08/2004	Hoàng Xá, Thanh Thủy, Phú Thọ	Kinh	Khá	Khá	13,4	7,1	0,00	4,75	1,75	4,00	
330	014	**320330**	LÊ HẢI TRANG	Nữ	23/09/2004	Trạm y tế xã Trung Thịnh	Kinh	Tốt	TB	9,9	6,1	0,00	5,00	1,75	1,25	
331	014	**320331**	LƯƠNG THỊ KIỀU TRANG	Nữ	21/10/2003	Bệnh viện huyện Thanh Thủy	Kinh	Tốt	TB	11,3	6,3	0,00	4,00	2,00	3,50	
332	014	**320332**	MAI THÙY TRANG	Nữ	04/11/2004	Xã Lương Nha, Thanh Sơn, Phú Thọ	Mường	Tốt	TB	11,7	6,2	0,50	5,00	3,50	3,00	DT;
333	014	**320333**	NGUYỄN HUYỀN TRANG	Nữ	04/06/2004	Hoàng Xá, Thanh Thủy, Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	13,0	7,5	0,00	6,00	3,50	4,25	
334	014	**320334**	NGUYỄN THÙY TRANG	Nữ	10/09/2004	Hoàng Xá, Thanh Thủy, Phú Thọ	Kinh	Tốt	TB	11,6	6,5	0,00	4,00	1,25	2,75	
335	014	**320335**	PHẠM THU TRANG	Nữ	01/08/2004	Tinh Nhuệ, Thanh Sơn, Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	14,2	7,5	0,50	5,00	2,50	1,25	VĐBKK;
336	014	**320336**	TRẦN KIỀU TRANG	Nữ	21/02/2004	Trạm y tế xã Trung Nghĩa	Kinh	Tốt	TB	11,4	5,9	0,00	5,00	2,25	3,00	
337	015	**320337**	VƯƠNG CÔNG TUÂN	Nam	21/03/2004	Phượng Mao, Thanh Thủy, Phú Thọ	Kinh	Khá	TB	11,3	5,9	0,00	2,00	2,75	2,25	
338	015	**320338**	BÙI VĂN TUẤN	Nam	11/05/2004	Trạm y tế xã Trung Thịnh	Kinh	Tốt	TB	10,9	6,6	0,00	6,00	1,50	4,50	
339	015	**320339**	NGUYỄN TRUNG TUẤN	Nam	06/09/2004	Trạm y tế xã Sơn Thủy	Kinh	Tốt	TB	10,9	6,5	0,00	4,75	1,75	4,50	
340	015	**320340**	NGUYỄN VĂN TUẤN	Nam	23/12/2004	Trạm y tế xã Lương Nha	Mường	Tốt	TB	13,1	6,4	0,50	5,00	2,50	4,00	DT;
341	015	**320341**	TRẦN ANH TUẤN	Nam	16/04/2004	Lương Nha, Thanh Sơn, Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	13,1	6,9	0,00	6,25	2,50	5,50	
342	015	**320342**	NGUYỄN THỊ KIM TUYẾN	Nữ	05/02/2004	Trạm y tế xã Trung Nghĩa	Kinh	Tốt	Khá	14,5	7,0	0,00	7,00	4,00	4,00	
343	015	**320343**	NGUYỄN THỊ KIM TUYẾN	Nữ	25/04/2004	Trạm y tế xã Đồng Luận	Kinh	Tốt	TB	11,2	6,7	0,00	6,50	4,00	3,25	
344	015	**320344**	TRẦN THỊ TUYẾN	Nữ	27/02/2004	Trạm y tế xã Đồng Luận	Kinh	Tốt	Giỏi	14,7	8,2	0,00	8,00	7,50	6,75	
345	015	**320345**	ĐỖ THANH TÙNG	Nam	11/06/2004	Trạm y tế xã Đồng Luận	Kinh	Khá	TB	12,0	6,9	0,00	7,00	2,75	6,50	

Stt	Phòng thi	Số báo danh	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	HK	HL	Điểm TBmcn Toán+ Ngữ văn 9	ĐTBcn 9	Điểm UT	Điểm thi			Ghi chú
													Ngữ văn	Tiếng Anh	Toán	
346	015	**320346**	NGUYỄN QUANG TÙNG	Nam	13/06/2004	Tinh Nhuệ, Thanh Sơn, Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	12,8	7,2	0,50	6,50	2,50	4,75	VĐBKK;
347	015	**320347**	ĐINH MẠNH TÚ	Nam	24/08/2004	Trạm y tế xã Trung Nghĩa	Kinh	Tốt	TB	12,2	6,7	0,00	5,50	1,75	4,50	
348	015	**320348**	ĐỖ MẠNH TÚ	Nam	14/07/2004	Trạm y tế xã Yến Mao	Kinh	Tốt	Khá	13,7	6,8	0,00	5,50	3,25	2,25	
349	015	**320349**	ĐỖ THỊ THANH TÚ	Nữ	14/02/2004	Trạm y tế xã Đồng Luận	Kinh	Tốt	Khá	14,7	7,9	0,00	7,50	5,75	6,25	
350	015	**320350**	KHUẤT ANH TÚ	Nam	09/01/2004	Yên Sơn, Thanh Sơn, Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	14,0	7,5	0,50	5,50	3,25	6,25	VĐBKK;
351	015	**320351**	QUYẾT ĐỨC TÚ	Nam	27/02/2004	Trạm y tế xã Trung Thịnh	Kinh	Khá	TB	10,1	6,2	0,00	5,00	4,00	5,00	
352	015	**320352**	NGUYỄN NGỌC VANG	Nam	25/11/2004	Hoàng Xá, Thanh Thủy, Phú Thọ	Kinh	Tốt	TB	10,9	5,9	0,00	4,50	2,50	1,50	
353	015	**320353**	TRẦN ANH VĂN	Nam	09/03/2004	Trạm y tế xã Yến Mao	Kinh	Tốt	TB	11,6	6,7	0,00	5,50	2,75	5,50	
354	015	**320354**	TRẦN KIM VĂN	Nam	21/05/2004	Trạm y tế xã Yến Mao	Kinh	Tốt	Khá	15,2	7,7	0,00	5,75	3,50	7,50	
355	015	**320355**	LÊ THÚY VÂN	Nữ	18/07/2004	Bệnh viện Thanh Thủy, Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	13,1	7,1	0,00	6,50	3,25	5,25	
356	015	**320356**	NGUYỄN CẨM VÂN	Nữ	06/09/2004	Trạm y tế xã Sơn Thủy	Kinh	Tốt	Khá	12,9	7,2	0,00	5,50	1,75	2,25	
357	015	**320357**	TRẦN THẢO VÂN	Nữ	01/11/2004	Trạm y tế xã Trung Thịnh	Kinh	Tốt	Khá	13,1	7,3	0,00	5,75	4,75	4,50	
358	015	**320358**	ĐẶNG QUỐC VIỆT	Nam	28/09/2004	Hoàng Xá, Thanh Thủy, Phú Thọ	Kinh	Tốt	TB	10,4	6,0	0,00	3,75	4,75	2,50	
359	015	**320359**	PHẠM QUỐC VIỆT	Nam	04/10/2004	Trạm y tế xã Trung Nghĩa	Kinh	Tốt	TB	12,7	6,4	0,00	5,75	2,25	5,75	
360	015	**320360**	LÊ QUANG VINH	Nam	08/03/2004	Bệnh viện huyện Thanh Thủy	Kinh	Tốt	TB	11,3	6,0	0,00	5,25	2,50	3,75	
361	016	**320361**	NGUYỄN QUANG VINH	Nam	25/10/2004	Trung tâm y tế huyện Thanh Thủy	Kinh	Khá	TB	11,5	6,5	0,00	3,50	1,75	6,00	
362	016	**320362**	NGUYỄN TRƯỜNG VŨ	Nam	15/03/2004	Trạm y tế xã Trung Thịnh	Kinh	Tốt	TB	10,9	6,4	0,00	4,50	2,00	3,00	
363	016	**320363**	PHẠM TUẤN VŨ	Nam	16/03/2004	Hoàng Xá, Thanh Thủy, Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	12,9	6,9	0,00	5,50	4,75	4,50	
364	016	**320364**	CHU QUỐC VƯƠNG	Nam	28/08/2004	Bệnh viện khu vực thị xã Sơn Tây	Kinh	Tốt	TB	11,3	6,3	0,00	5,25	2,75	3,50	
365	016	**320365**	KHUẤT ĐÌNH VỸ	Nam	12/06/2004	Xã Tu Vũ, Thanh Thủy, Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	13,0	6,9	0,00	6,50	2,75	4,75	
366	016	**320366**	ĐẶNG THANH XUÂN	Nữ	17/01/2004	Tinh Nhuệ, Thanh Sơn, Phú Thọ	Mường	Tốt	Khá	14,3	7,6	0,50	6,75	1,25	2,75	DT;
367	016	**320367**	BÙI HẢI YẾN	Nữ	07/09/2004	Bệnh viên 354 Hà Nội	Kinh	Tốt	Khá	14,1	7,4	0,00	6,50	3,25	2,75	
368	016	**320368**	ĐỖ THỊ HẢI YẾN	Nữ	09/11/2004	Trạm y tế xã Đồng Luận	Kinh	Tốt	Khá	13,4	7,5	0,00	6,00	3,00	4,75	
369	016	**320369**	HÀ KIM YẾN	Nữ	14/05/2004	Tinh Nhuệ, Thanh Sơn, Phú Thọ	Kinh	Tốt	Giỏi	16,2	8,1	0,00	8,00	3,75	7,00	
370	016	**320370**	NGUYỄN HẢI YẾN	Nữ	13/11/2004	Trạm y tế xã Bảo Yên	Kinh	Tốt	TB	10,2	5,6	0,00	4,50	1,00	2,75	
371	016	**320371**	NGUYỄN THỊ HẢI YẾN	Nữ	02/02/2004	Tinh Nhuệ, Thanh Sơn, Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	15,1	8,1	0,00	6,50	2,75	3,25	
372	016	**320372**	NGUYỄN THỊ HẢI YẾN	Nữ	13/03/2004	Trạm y tế xã Sơn Thủy	Kinh	Tốt	Khá	12,7	6,9	0,00	7,00	2,25	4,00	

Bảng này có 372 thí sinh đăng ký dự thi trong đó có:

+ Môn Ngữ văn có: 371 thí sinh dự thi.
+ Môn Toán có: 371 thí sinh dự thi.
+ Môn Tiếng Anh có: 371 thí sinh dự thi.

Phú Thọ, ngày 13 tháng 6 năm 2019

KT. CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG
PHÓ CHỦ TỊCH

Phùng Quốc Lập

Phú Thọ, ngày 13 tháng 6 năm 2019

GIÁM ĐỐC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TỈNH PHÚ THỌ

Trịnh Thế Truyền

NGƯỜI GHÉP ĐIỂM VÀ IN

Nguyễn Quốc Hương

NGƯỜI ĐỌC VÀ SOÁT BẢN IN

Hoàng Lê Tiến Dũng **Phạm Hồng Sơn**